

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 59/2024/QĐST-HNGĐ

Đan Phượng, ngày 17 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CỘNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 97/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Dg, sinh năm 1980;

Địa chỉ : Số 10, xóm Đại Tr, cụm 1, xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông Ngô Thế M, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số 10, xóm Đại Tr, cụm 1, xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

+ Ông Ngô Thế B, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số 10, xóm Đại Tr, cụm 1, xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ba: Ông Ngô Thế M

Địa chỉ: Số 12, xóm Đại Trung, cụm 1, xã Tân Hi, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ đơn đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong vụ án ngày 03/7/2024.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn

và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Dung và ông Ngô Thế Mạnh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà Nguyễn Thị D, ông Ngô Thế M có 03 con chung là: Chị Ngô Thị Ph, sinh năm 1999 (đã lập gia đình và ở riêng); chị Ngô Thị Hồng Nh, sinh năm 2002 và anh Ngô Thế V, sinh năm 2003 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Tòa án không phải giải quyết.

2.2. Về tài sản chung, nợ: Bà Nguyễn Thị D và ông Ngô Thế M tự thỏa thuận phân chia tài sản theo đơn đề nghị ngày 03/7/2024 và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định như sau:

2.2.1. Về tài sản chung:

2.2.1.1. Bà D, ông M xác định có tài sản chung sau:

Thửa đất số 1103, tờ bản đồ số 7, diện tích 106,5m²; địa chỉ: Cụm 1, xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội do bố mẹ ông M là ông Ngô Thế B, bà Đỗ Thị Qu cho ông M. Năm 2010, bà D, ông M xây dựng nhà 02 tầng 01 tum. Ngày 02/6/2017, thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Ngô Thế M.

Thửa đất số 1137, tờ bản đồ số 7, diện tích 35,3m²; địa chỉ: Cụm 1, xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội do vợ chồng mua của bố mẹ ông M là ông Ngô Thế B, bà Đỗ Thị Qu được khoảng 7 - 8 năm. Trên đất có 1 phần nhà của ông M, bà D xây dựng vào năm 2000. Ngày 17/9/2020, thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Ngô Thế M.

Nay bà D và ông M thống nhất thỏa thuận:

Ông Mạnh được toàn quyền sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên thửa đất số 1103, tờ bản đồ số 7, diện tích 106,5m²; địa chỉ: Cụm 1, xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH670742, vào sổ cấp GCN CS- ĐP số 06446 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 02/6/2017 mang tên ông Ngô Thế M.

Bà Dg được toàn quyền sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên thửa đất số 1137, tờ bản đồ số 7, diện tích 35,3m²; địa chỉ: Cụm 1, xã Tân H, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX660570, vào sổ cấp GCN CS- ĐP số 19903 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 17/9/2020 mang tên ông Ngô Thế M.

Bà D, ông M có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh biến động việc sử dụng đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo

quy định của pháp luật.

Ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung nào khác

2.2.2. Cho vay nợ: Không có.

2.2.3. Về nợ chung: Không có

2.2.4. Về công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Không có

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 6.700.000đ (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010222 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Trả lại bà Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 6.550.000đ (Sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đương sự;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- UBND xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội (ngày 07/02/1998);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu